

Số: **16** /2014/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **23** tháng **5** năm 2014

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1, Mục I Bảng đơn giá thuê đất, khung giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 12/TTr-STC ngày 20 tháng 3 năm 2014,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1, Mục I Bảng đơn giá thuê đất, khung giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Tiền Giang, như sau:

“ a) Đơn giá thuê đất một năm tính bằng tỷ lệ % giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân tỉnh ban hành được công bố hàng năm theo quy định của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất, cụ thể:

A	Đối tượng được áp dụng	Tỉ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất
<b>I. Đất nông nghiệp</b>		
	Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.	0,75%
<b>II. Đất phi nông nghiệp</b>		
01	- Đất dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; đất trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. - Đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	1%
02	- Đất dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư; đất trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Chính phủ. - Đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	1,25%
03	Đất trên địa bàn các phường thuộc thành phố.	2%
04	Đất trên địa bàn các phường thuộc thị xã.	1,85%
05	Đất trên địa bàn các xã thuộc thành phố, thị xã, các thị trấn trên địa bàn tỉnh (trừ đất nêu tại khoản 01 và khoản 02 mục II của bảng này).	1,75%
06	- Đất trên địa bàn các xã thuộc huyện (trừ đất nêu tại khoản 01 và khoản 02 mục II của bảng này). - Đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (trừ đất nêu tại khoản 01 và khoản 02 mục II của bảng này).	1,5%

<b>III</b>	Đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất).	30% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng với công trình ngầm.
------------	--	--

- Trường hợp giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm cho thuê đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại địa phương để quyết định mức giá cụ thể.

- Trường hợp thuê đất xây dựng nhà ở, dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê lại thì đơn giá thuê đất là giá đất ở.”

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** *sz*

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. Hội đồng nhân dân;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng Nghiên cứu, P.TD;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu VT, Lục

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*sz*  
*Le Van Nghia*